

Số: 3499/BTNMT-CNTT

V/v cung cấp thông tin lập Đề án “Hoàn thiện CSDL TN&MT kết nối liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các địa phương, các bộ, ngành”

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2019

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Căn cứ Nghị quyết của Chính phủ số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

Triển khai thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao về lập Đề án “Hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường kết nối liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các địa phương, các Bộ, ngành” để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt, Bộ Tài nguyên và Môi trường kính đề nghị Quý cơ quan:

1. Xem xét, cho ý kiến về quan điểm, mục tiêu, phạm vi, nhiệm vụ ... của Đề án nhằm tạo lập môi trường tích hợp, kết nối liên thông, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường với các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của các địa phương, bộ, ngành phục vụ xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử/Chính quyền điện tử, tiến tới Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số (tại Phụ lục 01 kèm theo công văn này).

2. Cung cấp nhu cầu cung cấp, chia sẻ, khai thác sử dụng và khả năng tích hợp, kết nối liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường qua Phiếu khảo sát tại Phụ lục 02 theo danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại Phụ lục 03 gửi kèm theo Công văn này.

Văn bản của Quý Cơ quan đề nghị gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường - địa chỉ số 28 Phạm Văn Đồng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, ĐT: 024.37548165) **trước ngày 26/7/2019** để tổng hợp.

Bộ Tài nguyên và Môi trường giao Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường làm đơn vị đầu mối phối hợp, triển khai lập Đề án; thông tin chi tiết xin liên hệ ông Nguyễn Xuân Thang; ĐT: 0919.213.738; email: nxthang_ccntt@monre.gov.vn.

Bộ Tài nguyên và Môi trường trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để b/c);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lưu: VT, CNTT.

**KT. BỘ TRƯỞNG**Ký bởi: Bộ Tài
nguyên và Môi
trườngEmail:
btnmt@monre.gov.vnCơ quan: Bộ Tài
nguyên và Môi
trườngNgày ký: 22.07.2019
09:35:49 +07:00**Trần Quý Kiên**

Phụ lục 01: TÓM TẮT ĐỀ CƯƠNG ĐỀ ÁN

Ngành tài nguyên và môi trường là ngành thực hiện quản lý nhà nước, hoạt động chuyên ngành gồm 9 lĩnh vực: đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo và viễn thám. Là ngành quản lý “không gian phát triển” của đất nước, gồm trên không, bề mặt (mặt đất, mặt biển), dưới lòng đất, dưới mặt biển, đáy biển... Mọi hoạt động điều tra cơ bản, quản lý, chỉ đạo, điều hành và chuyên môn nghiệp vụ của ngành đều dựa trên kết quả thu nhận, phân tích, xử lý, tổng hợp thông tin, dữ liệu. Thông tin của ngành bao trùm toàn bộ không gian bốn chiều (theo lãnh thổ, theo thời gian). Xây dựng được một hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn toàn diện về tài nguyên và môi trường trên cơ sở tích hợp, kết nối, liên thông và cơ chế để khai thác, tiếp cận, chia sẻ, sử dụng, phân tích, xử lý và tham gia đóng góp một cách rộng rãi là nhiệm vụ trọng tâm của ngành trong phát triển Chính phủ điện tử, hướng ngành tài nguyên và môi trường số, Chính phủ số, xã hội số.

I. QUAN ĐIỂM

- Thu nhận, thu thập đầy đủ nhất; tổ chức quản lý, lưu trữ, tạo lập môi trường tích hợp, kết nối, liên thông; chia sẻ sử dụng và tái sử dụng thông tin - dữ liệu, sử dụng lao động quá khứ nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế góp phần phát triển kinh tế - xã hội, hướng tới Chính phủ số, xã hội - nền kinh tế số, quốc gia công nghệ.

- Tích hợp, chia sẻ, kết nối, liên thông dữ liệu tài nguyên môi trường với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu (HTTT/CSDL) của bộ, ngành, địa phương; tạo cơ sở, hệ sinh thái dữ liệu cho các ứng dụng đa nền tảng nhằm khai thác, phân tích, xử lý thông tin của tổ chức, doanh nghiệp phục vụ cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân, cộng đồng.

- Tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp ngành TN&MT; thống nhất hệ thống danh mục dữ liệu tài nguyên môi trường trên phạm vi toàn quốc sử dụng xuyên suốt cho các HTTT/CSDL trong quá trình kết nối, liên thông, chia sẻ thông tin, dữ liệu.

- Ứng dụng các công nghệ hiện đại, tiên tiến, điện toán đám mây, mô hình quản lý dữ liệu lớn (BigData), trí tuệ nhân tạo ... để thu nhận, xử lý, phân tích, kết nối, chia sẻ CSDL tài nguyên và môi trường với các HTTT/CSDL.

- Kế thừa, tận dụng hiệu quả, tối đa hạ tầng kỹ thuật CNTT hiện có, quản lý các nguồn lực hạ tầng kỹ thuật CNTT của Chính phủ một cách ổn định, tạo cơ sở cho triển khai CPĐT tại Việt Nam, bảo đảm tính khả thi, gắn với ứng dụng CNTT, áp dụng các công nghệ tiên tiến theo lộ trình xây dựng CPĐT và có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cơ quan trong quá trình xây dựng, triển khai Đề án.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Hoàn thiện hệ thống CSDL tài nguyên môi trường với mô hình, công nghệ hiện đại, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước, góp phần phát triển kinh

tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, cộng đồng; phát triển Chính phủ điện tử dựa trên dữ liệu và dữ liệu mở hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, dữ liệu.

2. Mục tiêu cụ thể

- Hoàn thiện khung pháp lý thống nhất về quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu tài nguyên môi trường bảo đảm thực hiện thống nhất, đồng bộ và có cơ chế chia sẻ, sử dụng hiệu quả; về kết nối, chia sẻ dữ liệu, các tiêu chuẩn, quy chuẩn về kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường với các HTTT/CSDL của các bộ, ngành, địa phương.

- Thiết lập môi trường tích hợp, kết nối, liên thông CSDL tài nguyên và môi trường với các HTTT/CSDL của các địa phương, bộ, ngành trên cơ sở các nền tảng công nghệ hiện đại, tiên tiến, điện toán đám mây, mô hình quản lý dữ liệu lớn (BigData), trí tuệ nhân tạo (AI) ... bảo đảm cung cấp đủ hạ tầng tính toán, phân tích, kết nối, chia sẻ dữ liệu tài nguyên môi trường trên phạm vi toàn quốc.

- Hoàn thiện CSDL tài nguyên và môi trường trong đó ưu tiên hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia, các cơ sở dữ liệu có tính mở, trên phạm vi toàn quốc bảo đảm kết nối, liên thông với các HTTT/CSDL của các địa phương, Bộ, ngành.

- Xây dựng nền tảng, cơ chế tiếp cận, khai thác, chia sẻ, sử dụng và phân tích, xử lý phục vụ phát triển Chính phủ điện tử, hướng ngành tài nguyên và môi trường số, Chính phủ số, xã hội số.

III. CÁC NHIỆM VỤ, SẢN PHẨM CỦA ĐỀ ÁN

1. Hoàn thiện khung pháp lý

- Hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về tích hợp, kết nối, liên thông CSDL tài nguyên và môi trường với các HTTT/CSDL của các bộ, ngành, địa phương;

- Xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật về cơ sở dữ liệu các lĩnh vực tài nguyên môi trường;

- Xây dựng các quy định kỹ thuật phục vụ thu thập, quản lý, phân tích, kết nối liên thông, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Xây dựng hoàn thiện, thu nhận, quản lý CSDL tài nguyên môi trường

- Xây dựng khung cấu trúc CSDL tài nguyên và môi trường tích hợp, kết nối liên thông với các hệ thống CSDL/HTTT các địa phương, bộ, ngành tuân thủ mô hình tham chiếu dữ liệu của Khung kiến trúc CPĐT và Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Xây dựng, hoàn thiện các CSDL quốc gia và CSDL chuyên ngành thuộc trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường như CSDL quốc gia về đất đai, Hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia, CSDL quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường....

- Xây dựng, hoàn thiện CSDL tài nguyên môi trường thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, ngành; tích hợp, kết nối liên thông với hệ thống CSDL tài nguyên và môi trường quốc gia;

- Xây dựng, hoàn thiện CSDL tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý của địa phương, tổ chức kết nối liên thông với hệ thống CSDL tài nguyên và môi trường quốc gia.

3. Xây dựng nền tảng tích hợp, kết nối, liên thông, phân tích, xử lý, tổng hợp CSDL tài nguyên và môi trường

- Hệ thống dịch vụ tích hợp, kết nối cung cấp dữ liệu tài nguyên môi trường thuộc phạm vi thực hiện của các Bộ, ngành vào hệ thống CSDL tài nguyên và môi trường quốc gia;

- Hệ thống dịch vụ kết nối cung cấp dữ liệu tài nguyên môi trường thuộc phạm vi thực hiện của UBND cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương vào hệ thống CSDL tài nguyên và môi trường quốc gia;

- Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của các bộ, ngành, địa phương bảo đảm cung cấp đủ hạ tầng tính toán, phân tích, kết nối, chia sẻ dữ liệu tài nguyên môi trường trên phạm vi toàn quốc.

- Hệ thống phân tích, xử lý, tổng hợp dữ liệu tài nguyên môi trường;

- Cổng thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường quốc gia: Hệ thống cung cấp dịch vụ về thông tin dữ liệu về tài nguyên môi trường theo từng chuyên ngành và theo nhu cầu cho các cơ quan, tổ chức, người dân và doanh nghiệp.

IV. TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN

1. Đề án được triển khai trên phạm vi toàn quốc.

2. Thời gian triển khai: 2020 - 2025 và các năm tiếp theo.

3. Tổ chức triển khai

- Cơ quan chủ trì thực hiện đề án: Bộ Tài nguyên và Môi trường, số 10 Tôn Thất Thuyết, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

- Các địa phương cùng phối hợp thực hiện gồm: 63 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Kinh phí: đầu tư phát triển, ODA, sự nghiệp, xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác.

Phụ lục 02: PHIẾU KHẢO SÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KHẢO SÁT

VỀ CUNG CẤP, CHIA SẺ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Phục vụ lập Đề án “Hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường kết nối liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các địa phương, các bộ, ngành”

I. THÔNG TIN CHUNG

I.1. Tên cơ quan cung cấp thông tin:

<Đơn vị đầu mối cung cấp, phối hợp lập, triển khai đề án sau khi được phê duyệt>.

I.2. Đầu mối liên hệ

- Họ và tên:
- Đơn vị:
- Chức vụ:
- Thông tin liên hệ:
 - + Điện thoại cố định:
 - + Điện thoại di động:
 - + Thư điện tử:

II. HIỆN TRẠNG, YÊU CẦU XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU

1. Các hệ thống ứng dụng CNTT phục vụ quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ về tài nguyên môi trường của tỉnh/thành phố:

Số TT	Tên phần mềm	Mô tả chung ¹	Đối tượng sử dụng	Giải pháp kỹ thuật công nghệ ²	Nhu cầu sửa đổi, nâng cấp ³
1					
2					
....					

¹ Mô tả tóm tắt về nghiệp vụ của phần mềm/hệ thống thông tin đã và đang triển khai, thời gian triển khai, có kết nối với các hệ thống chung của Tỉnh, của Bộ không (nếu có mô tả thông tin kết nối).

² Nêu tóm tắt về giải pháp kỹ thuật, công nghệ triển khai xây dựng ứng dụng.

³ Nêu tóm tắt nhu cầu sửa đổi, nâng cấp và nguyên nhân, căn cứ thực hiện.

2. Nhu cầu ứng dụng CNTT để xử lý các yêu cầu quản lý nhà nước và nghiệp vụ chuyên môn về tài nguyên môi trường của tỉnh/thành phố.

TT	Yêu cầu ứng dụng CNTT	Tên ứng dụng đề xuất
1		
2		
....		

3. Các CSDL tài nguyên môi trường đã và đang được triển khai tại tỉnh/thành phố:

TT	Tên cơ sở dữ liệu	Mô tả chung cơ sở dữ liệu ⁴	Phạm vi ⁵	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu ⁶	Năm đầu tư	Đơn vị quản lý, vận hành	Nhu cầu nâng cấp, sửa đổi
1							
2							
...							

4. Nhu cầu xây dựng các CSDL tài nguyên môi trường của tỉnh/thành phố:

TT	Tên cơ sở dữ liệu	Mô tả
1		
2		
....		

III. TÌNH HÌNH CUNG CẤP THÔNG TIN, DỮ LIỆU

1. Các thông tin, dữ liệu, tài liệu tài nguyên môi trường đã và đang cung cấp cho cá nhân, tổ chức và các hệ thống thông tin

TT	Lĩnh vực nghiệp vụ	Đơn vị nhận	Thông tin, dữ liệu cung cấp	Tần suất trao đổi	Phương thức trao đổi	Ghi chú
1	Tên nghiệp vụ	Tên đơn vị tham gia trao đổi, chia sẻ dữ liệu	Các loại thông tin, dữ liệu trao đổi liên quan đến nghiệp vụ	Thường xuyên/Không thường xuyên hoặc cung cấp số liệu cụ thể nếu có	Thủ công/Tin học (nếu rõ tên ứng dụng nguồn, ứng dụng đích được sử dụng để trao đổi)	Khó khăn, vướng mắc, khác...
2						
3						

⁴ Mô tả tóm tắt về nội dung cơ sở dữ liệu

⁵ Phạm vi sử dụng của cơ sở dữ liệu: trong đơn vị/trong Bộ/Toàn quốc (có kết nối với các Bộ, ngành hoặc địa phương)

⁶ Nêu rõ cả tên phiên bản hệ quản trị CSDL.

2. Những khó khăn, vướng mắc khi chia sẻ dữ liệu hiện nay là gì?

(Đánh dấu vào tất cả các trường hợp phù hợp và bổ sung các trường hợp khác (nếu có))

- Thiếu căn cứ pháp lý
- Thiếu dữ liệu
- Dữ liệu không cập nhật
- Dữ liệu chưa được chuẩn hóa
- Thiếu tiêu chuẩn chia sẻ
- Khác

Nếu có khó khăn, vướng mắc khác, đề nghị nêu rõ:.....

.....

.....

.....

.....

3. Nhu cầu được chia sẻ dữ liệu từ các đơn vị trong Bộ Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên dữ liệu cần chia sẻ	Mục đích sử dụng dữ liệu	Đơn vị chủ trì quản lý	Yêu cầu đối với dữ liệu cần chia sẻ ⁷
1				
2				
3				
4				
5				

4. Nhu cầu được chia sẻ dữ liệu từ các CSDL ngoài ngành tài nguyên môi trường

TT	Tên dữ liệu cần chia sẻ	Mục tin, trường dữ liệu cần chia sẻ	Mục đích sử dụng dữ liệu được chia sẻ	Cơ quan chủ quản dữ liệu cần chia sẻ	Yêu cầu đối với dữ liệu cần chia sẻ
1					
2					
3					
4					
5					
6					

⁷ Nêu rõ tần suất yêu cầu khai thác sử dụng dữ liệu: Thường xuyên/Không thường xuyên hoặc cung cấp số liệu cụ thể nếu có

IV. HẠ TẦNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1. Quý đơn vị hãy cung trả lời các câu hỏi về hệ thống mạng trong bảng sau:

TT	Nội dung	Trả lời		
1	Đơn vị đã có mạng LAN chưa	<input type="checkbox"/> Có		<input type="checkbox"/> Không
2	Tình trạng hoạt động mạng LAN	<input type="checkbox"/> Tốt	<input type="checkbox"/> Bình thường	<input type="checkbox"/> Kém
3	Hình thức kết nối mạng LAN	<input type="checkbox"/> Có dây	<input type="checkbox"/> Không dây	<input type="checkbox"/> Cả hai
4	Số lượng máy trạm kết nối			
5	Đơn vị có kết nối vào mạng WAN không?	<input type="checkbox"/> Có		<input type="checkbox"/> Không
6	Tên đơn vị quản lý mạng WAN?			
7	Đơn vị có kết nối ra Internet không?	<input type="checkbox"/> Có		<input type="checkbox"/> Không
8	Hệ thống mạng có được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ không?	<input type="checkbox"/> Có		<input type="checkbox"/> Không
9	Hệ thống mạng hiện nay có đáp ứng hoặc thỏa mãn được yêu cầu sử dụng của Quý đơn vị không?	<input type="checkbox"/> Có		<input type="checkbox"/> Không
10	Nếu không, nêu rõ nguyên nhân	<i>Nguyên nhân chưa đáp ứng yêu cầu</i>		

2. Quý đơn vị vui lòng trả lời các câu hỏi về hệ thống an toàn bảo mật, an ninh thông tin và giám sát trong bảng sau:

TT	Nội dung	Trả lời		
1	Đơn vị có trang bị giải pháp an toàn bảo mật, an ninh thông tin và giám sát không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	<input type="checkbox"/> Đang đầu tư
2	Các máy tính trạm có được cài đặt đầy đủ phần mềm diệt virus không?	<input type="checkbox"/> Có		<input type="checkbox"/> Không
3	Quý đơn vị có thực hiện kiểm tra, rà soát các lỗ hổng bảo mật định kỳ không?	<input type="checkbox"/> Có		<input type="checkbox"/> Không

3. Quý đơn vị vui lòng cung cấp các thông tin về máy chủ, thiết bị lưu trữ, sao lưu dữ liệu hiện có theo bảng sau:

TT	Model	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Năm đầu tư	Tình trạng	Ghi chú
1						
2						
....						

4. Quý đơn vị vui lòng cung cấp các thông tin về thiết bị mạng và bảo mật hiện có theo bảng sau:

TT	Model	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Năm đầu tư	Tình trạng	Ghi chú
1						
2						
....						

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....
.....
.....
.....
.....

....., ngày tháng năm 2019

Thủ trưởng cơ quan

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 03

DANH MỤC THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Danh sách thông tin, dữ liệu lĩnh vực đất đai

- a) Kết quả đo đạc, lập bản đồ địa chính;
- b) Đăng ký đất đai, hồ sơ địa chính, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất;
- c) Thống kê, kiểm kê đất đai;
- d) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- đ) Giá đất và bản đồ giá đất;
- e) Các thông tin, dữ liệu khác liên quan đến điều tra cơ bản về đất đai.

2. Danh sách thông tin, dữ liệu lĩnh vực tài nguyên nước

- a) Số lượng, chất lượng nước mặt, nước dưới đất;
- b) Số liệu điều tra khảo sát địa chất thủy văn;
- c) Các dữ liệu về khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước;
- d) Quy hoạch các lưu vực sông, quản lý, khai thác, bảo vệ các nguồn nước;
- đ) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, điều chỉnh giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; trám lấp giếng không sử dụng;
- e) Các dữ liệu về các yếu tố ảnh hưởng đến tài nguyên nước;
- g) Hồ sơ kỹ thuật của các trạm, công trình quan trắc tài nguyên nước;
- h) Các dữ liệu về danh mục các lưu vực sông.

3. Danh sách thông tin, dữ liệu lĩnh vực môi trường

- a) Báo cáo Hiện trạng môi trường các cấp;
- b) Danh sách các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, các khu bảo tồn thiên nhiên; danh mục các loài hoang dã, loài bị đe dọa tuyệt chủng, loài bị tuyệt chủng trong tự nhiên, loài đặc hữu, loài di cư, loài ngoại lai, loài ngoại lai xâm hại, loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài trong Sách đỏ Việt Nam;
- c) Quy hoạch môi trường; báo cáo quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái (trên cạn, dưới nước) và an toàn sinh học;
- d) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường; đề án bảo vệ môi trường; kế hoạch bảo vệ môi trường; báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ hàng năm;
- đ) Báo cáo về nguồn thải, lượng chất thải, nguồn gây ô nhiễm, chất thải thông thường, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường;

kết quả cải tạo, phục hồi môi trường trong các hoạt động khai thác khoáng sản; hiện trạng môi trường tại các mỏ khai thác khoáng sản; hiện trạng môi trường các điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu; dự án xử lý và phục hồi môi trường các điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu;

e) Báo cáo về tình hình nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, nộp phí bảo vệ môi trường; kết quả giải quyết bồi thường thiệt hại, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết;

g) Báo cáo về khu vực bị ô nhiễm, nhạy cảm, suy thoái, sự cố môi trường; khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; bản đồ ô nhiễm môi trường và các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường;

h) Danh mục về các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; danh mục và tình hình bảo vệ môi trường làng nghề, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp;

i) Kết quả về quản lý môi trường lưu vực sông, ven biển và biển; ô nhiễm môi trường xuyên biên giới;

k) Kết quả về xử lý chất thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, khí thải, nước thải, tiếng ồn, độ rung và các công nghệ môi trường khác;

l) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về môi trường.

4. Danh sách thông tin, dữ liệu lĩnh vực địa chất và khoáng sản

a) Thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản;

b) Thông tin, dữ liệu khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia, khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ; khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; khu vực có khoáng sản độc hại;

c) Kết quả thống kê; kiểm kê trữ lượng tài nguyên khoáng sản;

d) Hồ sơ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

đ) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép, trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản, cho phép tiếp tục thực hiện quyền hoạt động khoáng sản.

e) Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản;

g) Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản;

h) Bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản;

i) Thông tin, dữ liệu tai biến địa chất;

k) Thông tin, dữ liệu địa chất công trình, địa chất đô thị.

l) Thông tin, dữ liệu địa chất chuyên ngành khác.

m) Mẫu vật địa chất, khoáng sản.

5. Danh sách thông tin, dữ liệu lĩnh vực biển và hải đảo

a) Dữ liệu về đầm phá ven biển, địa hình đáy biển;

b) Dữ liệu về khí tượng, thủy văn biển;

c) Dữ liệu về địa chất biển, địa vật lý biển, khoáng sản biển; dầu, khí ở biển; dữ liệu về tính chất vật lý, hóa lý của nước biển và trầm tích ven biển;

d) Dữ liệu về hệ sinh thái biển, trầm tích ven biển; đa dạng sinh học và nguồn lợi thủy sản biển, trầm tích; tài nguyên vị thế biển và kỳ quan sinh thái biển;

đ) Dữ liệu về môi trường biển, đảo, trầm tích ven biển; nhận chìm ở biển;

e) Dữ liệu về đảo;

g) Dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển, trầm tích ven biển; quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ;

h) Dữ liệu về khai thác, sử dụng tài nguyên biển, đảo và trầm tích ven biển;

i) Kết quả thống kê tài nguyên biển, đảo và trầm tích ven biển;

k) Dữ liệu khác liên quan đến tài nguyên và môi trường biển, đảo và trầm tích ven biển;

l) Thông tin tài liệu về loại hình, cấu trúc, địa hình đường bờ, hành lang bảo vệ bờ biển.

6. Danh sách thông tin, dữ liệu lĩnh vực khí tượng thủy văn

a) Dữ liệu về quan trắc, điều tra, khảo sát khí tượng, thủy văn, hải văn

- Thông tin, dữ liệu về khí tượng;

- Thông tin, dữ liệu về thủy văn;

- Thông tin, dữ liệu về hải văn;

- Thông tin, dữ liệu về ô dôn - bức xạ cực tím;

- Thông tin, dữ liệu về môi trường không khí phục vụ khí tượng thủy văn.

- Thông tin, dữ liệu về môi trường nước phục vụ khí tượng thủy văn.

b) Dữ liệu về dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn

- Bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

- Sản phẩm của các mô hình dự báo;

- Biểu đồ, bản đồ, ảnh thu từ vệ tinh;

- Thông báo tình hình khí tượng thủy văn;

- Thông tin, dữ liệu thu được từ tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài;

- Thông tin, dữ liệu về thiên tai khí tượng thủy văn.

c) Dữ liệu về khí hậu

- Bộ chuẩn khí hậu quốc gia;

- Kết quả đánh giá khí hậu quốc gia.

d) Dữ liệu về hồ sơ kỹ thuật trạm và giấy phép dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn

- Hồ sơ kỹ thuật của các trạm, công trình, phương tiện đo khí tượng thủy văn;
- Hồ sơ cấp, gia hạn, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

- Hồ sơ kỹ thuật của các trạm giám sát biến đổi khí hậu.

đ) Dữ liệu khác về khí tượng thủy văn

- Phim, ảnh về đối tượng nghiên cứu khí tượng thủy văn;
- Kế hoạch và kết quả thực hiện tác động vào thời tiết.

7. Danh sách thông tin, dữ liệu lĩnh vực biến đổi khí hậu

a) Thông tin, dữ liệu về phát thải khí nhà kính và các hoạt động kinh tế - xã hội có liên quan đến phát thải khí nhà kính.

b) Thông tin, dữ liệu về tác động của thiên tai khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu đến hoạt động tự nhiên, kinh tế - xã hội.

c) Thông tin, dữ liệu quan trắc về ô-dôn, bảo vệ tầng ô-dôn và quản lý các chất làm suy giảm tầng ô-dôn.

d) Kịch bản biến đổi khí hậu các thời kỳ.

đ) Hồ sơ kỹ thuật của các trạm giám sát biến đổi khí hậu.

8. Danh sách thông tin, dữ liệu lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý

a) Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ

- Thông tin, dữ liệu, sản phẩm của hoạt động đo đạc và bản đồ cơ bản;
- Thông tin, dữ liệu, sản phẩm của hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành;

b) Thông tin, dữ liệu, sản phẩm của hoạt động đo đạc và bản đồ cơ bản

- Thông tin, dữ liệu về hệ thống các điểm gốc đo đạc quốc gia, các mạng lưới đo đạc quốc gia;

- Hệ thống dữ liệu ảnh hàng không và hệ thống dữ liệu ảnh viễn thám;

- Dữ liệu nền địa lý quốc gia; dữ liệu, sản phẩm bản đồ địa hình quốc gia;

- Dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ về biên giới quốc gia;

- Dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính;

- Dữ liệu, danh mục địa danh.

c) Thông tin, dữ liệu, sản phẩm của hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành

- Thông tin, dữ liệu, sản phẩm về mạng lưới đo đạc cơ sở chuyên ngành;

- Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ quốc phòng;

- Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc, bản đồ địa chính;

- Thông tin, dữ liệu, sản phẩm, bản đồ hành chính;

- Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc, bản đồ biển - hải đảo;

- Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ phục vụ phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục sự cố môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;
- Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc, bản đồ giao thông;
- Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc, bản đồ xây dựng, quy hoạch, công trình, công trình ngầm;
- Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc, bản đồ chuyên ngành kinh tế-xã hội khác (tích hợp, kết nối, liên thông với CSDL nền địa lý quốc gia các tỷ lệ).

9. Danh sách thông tin, dữ liệu lĩnh vực viễn thám

- a) Thông tin về hệ thống thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám.
- b) Dữ liệu ảnh viễn thám.
- c) Siêu dữ liệu viễn thám.
- d) Thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám.
- đ) Thông tin, dữ liệu quan trắc, giám sát bằng công nghệ viễn thám.
- e) Thông tin, dữ liệu, sản phẩm khác theo quy định của dự án, đề án; thiết kế kỹ thuật - dự toán về viễn thám được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

10. Kết quả thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, giải quyết bồi thường thiệt hại về tài nguyên và môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

11. Văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường.

12. Hồ sơ, kết quả của các chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường.

13. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường khác do quy định của pháp luật.